

**CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/2025/CBTT

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP ILA thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính riêng đã được soát xét (BCTC) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ Phần ILA**

Mã chứng khoán: ILA

Địa chỉ: 49 đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ/Tel: 0888539977

Fax:

Email: [info@ilagroup.com.vn](mailto:info@ilagroup.com.vn)

Website: [ilagroup.com.vn](http://ilagroup.com.vn)

Nội dung thông tin công bố:

- BCTC riêng năm 2025 cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có ☐

Không ☒

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có ☐

Không ☒



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2025 tại đường dẫn: <http://ilagroup.com.vn/bao-cai-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025
- Văn bản giải trình số 61/2025/ILA-CV.GT

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**ĐẶNG XUÂN HỮU**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**



## MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 31





## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần ILA.

### 1. Thông tin chung về Công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/9/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/3/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018.

Công ty Cổ phần ILA thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 17 ngày 20/5/2024 để thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

**Tên tiếng anh:** ILA JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** ILA JSC.

**Mã chứng khoán:** ILA (Upcom).

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

#### Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

**Trụ sở chính:** 49 đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Văn phòng giao dịch:** 101/12-14 Đường số 11, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Võ Xuân Phong

Ông Lê Anh Thông

Ông Trần Minh Chương

Ông Đặng Xuân Hữu

Ông Võ Xuân Cường

Ông Lê Nhật Nguyên

Ông Nguyễn Minh Triều

Chủ tịch HĐQT

Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26/4/2025

Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26/4/2025

Thành viên - Miễn nhiệm ngày 26/4/2025

Thành viên - Miễn nhiệm ngày 26/4/2025

Thành viên

Thành viên độc lập

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

#### Ủy ban kiểm toán

Ông Nguyễn Minh Triều

Chủ tịch

Ông Võ Xuân Cường

Thành viên

#### Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Đặng Xuân Hữu

Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Văn Phúc

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Ông Đặng Xuân Hữu

Tổng Giám Đốc

### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (“Moore AISC”) được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025.

### 5. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến Công ty và liên quan đến Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty; những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

### 6. Phê duyệt báo cáo tài chính

Tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Công ty



**Đặng Xuân Hữu**

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025





**Số: A0625259-SXR/MOORE AISC-DN6****BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

300513  
CÔNG  
TNI  
M TOÁN  
TIN  
MOORE  
3 - T.P

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần ILA** tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề nhấn mạnh

Không ảnh hưởng đến kết luận của kiểm toán viên như đã nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.4 - Thông tin về hoạt động liên tục trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo. Công ty phát sinh lỗ 06 tháng đầu năm 2025 là 233.543.364 VND, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 21.109.822.396 VND. Đồng thời, tại ngày 30/6/2025, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 13.470.691.178 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đã có những đánh giá thận trọng về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty và đưa ra các kế hoạch cụ thể nhằm duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty đang 12 tháng tới. Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025 của Công ty đang được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục và không bao gồm các điều chỉnh nếu có từ vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

**Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC**



**Lê Hùng Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3174 -2025-005-1

041-C  
TY  
IH  
DỊCH  
HOC  
AISC  
HOC



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>491.423.847</b>	<b>3.682.145.665</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>39.406.754</b>	<b>2.149.229.150</b>
1. Tiền	111		39.406.754	2.149.229.150
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>388.419.940</b>	<b>1.475.996.399</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	186.919.940	317.910.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	104.000.000	483.636.399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	201.500.000	756.250.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(104.000.000)	(81.800.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.166.666</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.166.666	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>57.430.487</b>	<b>56.920.116</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		510.371	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	56.920.116	56.920.116
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>210.615.424.228</b>	<b>229.814.784.891</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>210.615.424.228</b>	<b>229.814.784.891</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		211.250.000.000	230.250.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(634.575.772)	(435.215.109)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>211.106.848.075</b>	<b>233.496.930.556</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.962.115.025</b>	<b>36.118.654.142</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.962.115.025</b>	<b>1.168.654.142</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	364.508.682	997.589.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	159.838.557	114.835.044
4. Phải trả người lao động	314		33.616.709	38.193.759
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	13.404.151.077	18.035.819
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>34.950.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.9	-	34.950.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.10</b>	<b>197.144.733.050</b>	<b>197.378.276.414</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>197.144.733.050</b>	<b>197.378.276.414</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		196.414.310.000	196.414.310.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		196.414.310.000	196.414.310.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		730.423.050	963.966.414
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		963.966.414	1.190.175.309
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(233.543.364)	(226.208.895)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>211.106.848.075</b>	<b>233.496.930.556</b>

Nguyễn Văn Phúc

Kế toán trưởng/ Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Đặng Xuân Hữu

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.639.265.090	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.639.265.090	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.087.302.566	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		551.962.524	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.106	556.649.403
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	199.360.663	1.928.813.852
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.278.986.302
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	464.801.742	550.249.620
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(112.173.775)	(1.922.414.069)
11. Thu nhập khác	31		16.000.242	118.432
12. Chi phí khác	32	VI.6	137.369.831	6.627.509
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(121.369.589)	(6.509.077)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(233.543.364)	(1.928.923.146)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(233.543.364)	(1.928.923.146)

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 8 năm 2025

M.S.D.N: 0312933227-G.T.Đ  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
**ILA**  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Đặng Xuân Hữu  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(233.543.364)	(1.928.923.146)
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03	VI.4,5	221.560.663	649.827.550
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(556.632.877)
- Chi phí lãi vay	06		-	1.278.986.302
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.982.701)	(556.742.171)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		1.064.866.088	(5.410.675.728)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(6.166.666)	-
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(22.156.539.117)	123.403.998
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.278.986.302)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(605.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.109.822.396)	(7.728.000.203)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.450.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.000.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	429.931.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.000.000.000	4.879.931.507

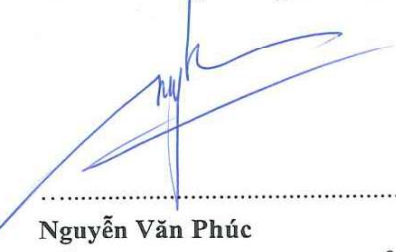
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( $50 = 20 + 30 + 40$ )	50		(2.109.822.396)	(2.848.068.696)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.149.229.150	2.857.010.141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( $70 = 50 + 60 + 61$ )	70	V.1	39.406.754	8.941.445

  
Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

  
Đặng Xuân Hữu  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 8 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/9/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/3/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018.

Công ty Cổ phần ILA thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 17 ngày 20/5/2024 để thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Tên tiếng anh: ILA JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ILA JSC.

Mã chứng khoán: ILA (Upcom).

Trụ sở chính: 49 đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường Bình Trưng, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

Văn phòng giao dịch: 101/12-14 Đường số 11, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

3. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: không có

6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2025: 02 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 03 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có ba (03) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần ILA E&C Địa chỉ: 139D Đường số 11, Khu phố 9, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án.	98,00%	98,00%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)****7.1. Danh sách các công ty con (tiếp theo)**

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
<b>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh</b> Địa chỉ: 101 Đường N8, khu dân cư Đông An, khu phố Đông An, phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm từ Plastic, kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và sản xuất linh kiện điện tử.	98,79%	98,79%
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA</b> Địa chỉ: 129 Tăng Bạt Hổ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.	Khai thác mỏ và sản xuất các sản phẩm từ mỏ đá.	98,00%	98,00%

**8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán và kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 06 tháng đầu năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 2 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT - BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 2 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT - BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả (tiếp theo)**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**7. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc**

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, Công ty thực hiện việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định (thông tư) của Bộ lao động Thương binh Xã hội ban hành và thay đổi theo từng thời điểm trong năm 2025.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí vay hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**11. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ứng các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí bằng tiền khác ...



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Năm 2025, thuế suất thuế TNDN tính trên kết quả hoạt động kinh doanh áp dụng cho Công ty là 20%.

**13. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

14. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2025	01/01/2025
Tiền mặt	32.567.897	333.165.447
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.838.857	1.816.063.703
Cộng	39.406.754	2.149.229.150

2. Các khoản đầu tư tài chính - Xem trang 28-29.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	186.919.940	-	121.080.000	-
Công ty TNHH Phát triển xây dựng Hoàng Mỹ	-	-	196.830.000	-
Cộng	186.919.940	-	317.910.000	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Tú Anh Modern House	74.000.000	(74.000.000)	74.000.000	(51.800.000)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	30.000.000	(30.000.000)	30.000.000	(30.000.000)
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng B.M.T	-	-	379.187.500	-
Nhà cung cấp khác	-	-	448.899	-
Cộng	104.000.000	(104.000.000)	483.636.399	(81.800.000)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác ngắn hạn	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	-	-	554.750.000	-
Phải thu khác	201.000.000	-	201.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuất nhập khẩu Hồng Phát	201.000.000	-	201.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>201.500.000</b>	<b>-</b>	<b>756.250.000</b>	<b>-</b>

6. Nợ xấu - Xem trang 30.

7. Phải trả người bán ngắn hạn	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Siêu thị vật liệu xây dựng Thế Giới Nhà	148.540.000	148.540.000	-	-
Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học Moore AISC	117.280.000	117.280.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Phát Lợi	38.490.982	38.490.982	-	-
Công ty TNHH MTV HBA	-	-	997.589.520	997.589.520
Các nhà cung cấp khác	60.197.700	60.197.700	-	-
<b>Cộng</b>	<b>364.508.682</b>	<b>364.508.682</b>	<b>997.589.520</b>	<b>997.589.520</b>

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2025
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	83.193.187	162.941.294	122.812.555	123.321.926
Thuế thu nhập cá nhân	31.641.857	18.537.131	13.662.357	36.516.631
<b>Cộng</b>	<b>114.835.044</b>	<b>181.478.425</b>	<b>136.474.912</b>	<b>159.838.557</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.920.116	-	-	56.920.116
<b>Cộng</b>	<b>56.920.116</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.920.116</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>9. Phải trả khác</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>13.404.151.077</b>	<b>18.035.819</b>
Kinh phí công đoàn	6.454.208	6.454.208
Bảo hiểm xã hội	8.834.556	8.859.881
Bảo hiểm y tế	1.399.354	1.835.742
Bảo hiểm thất nghiệp	462.959	885.988
Phải trả khác ngắn hạn là bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)(*)	13.250.000.000	-
Phải trả các đối tượng khác	137.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>34.950.000.000</b>
Phải trả khác dài hạn là bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3) (*)	-	34.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.404.151.077</b>	<b>34.968.035.819</b>

(\*) Đây là khoản hỗ trợ vốn của các công ty con cho Công ty mượn, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không tính lãi, thời gian hỗ trợ là 24 tháng và đến ngày 30/6/2025, thời gian hỗ trợ còn lại dưới 12 tháng.

**10. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2024	185.299.390.000	12.305.095.309	197.604.485.309
Lỗ trong kỳ		(1.928.923.146)	(1.928.923.146)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2024</b>	<b>185.299.390.000</b>	<b>10.376.172.163</b>	<b>195.675.562.163</b>
<b>Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2025	196.414.310.000	963.966.414	197.378.276.414
Lỗ trong kỳ	-	(233.543.364)	(233.543.364)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2025</b>	<b>196.414.310.000</b>	<b>730.423.050</b>	<b>197.144.733.050</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
Vốn góp của các cổ đông			
Ông Võ Xuân Phong	15,14%	29.734.060.000	29.734.060.000
Ông Hồ Ngọc Tỷ	5,40%	10.600.000.000	10.600.000.000
Ông Đặng Xuân Hữu	5,45%	10.703.880.000	10.703.880.000
Cổ đông khác	74,02%	145.376.370.000	145.376.370.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>196.414.310.000</b>	<b>196.414.310.000</b>
<b>c. Cổ phiếu</b>		<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành		19.641.431	19.641.431
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng		19.641.431	19.641.431
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành		19.641.431	19.641.431
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.		10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>06 tháng đầu năm 2025</b>	<b>06 tháng đầu năm 2024</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa (*)	5.639.265.090	-
<b>Cộng</b>	<b>5.639.265.090</b>	<b>-</b>
(*) Đây là doanh thu bán hàng cho các bên liên quan trong kỳ - Xem thuyết minh VIII.3.		
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>06 tháng đầu năm 2025</b>	<b>06 tháng đầu năm 2024</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.087.302.566	-
<b>Cộng</b>	<b>5.087.302.566</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>06 tháng đầu năm 2025</b>	<b>06 tháng đầu năm 2024</b>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.106	16.526
Lãi cho vay	-	556.632.877
<b>Cộng</b>	<b>26.106</b>	<b>556.649.403</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>06 tháng đầu năm 2025</b>	<b>06 tháng đầu năm 2024</b>
Chi phí lãi vay	-	1.278.986.302
Dự phòng tổn thất đầu tư	199.360.663	649.827.550
<b>Cộng</b>	<b>199.360.663</b>	<b>1.928.813.852</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	295.019.463	255.693.189
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	2.951.843
Chi phí dự phòng	22.200.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.582.279	291.604.588
<b>Cộng</b>	<b>464.801.742</b>	<b>550.249.620</b>
<b>6. Chi phí khác</b>		
Chi phí thuế phạt	136.474.912	6.627.509
Các khoản khác	894.919	-
<b>Cộng</b>	<b>137.369.831</b>	<b>6.627.509</b>
<b>7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nhân công	295.019.463	255.693.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.782.279	291.604.588
Chi phí khác bằng tiền	3.000.000	2.951.843
<b>Cộng</b>	<b>464.801.742</b>	<b>550.249.620</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(233.543.364)</b>	<b>(1.928.923.146)</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>137.369.831</b>	<b>728.964.408</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	137.369.831	728.964.408
Chi phí không được trừ	137.369.831	6.627.509
Chi phí lãi vay theo nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	722.336.899
<b>3. Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (1+2)</b>	<b>(96.173.533)</b>	<b>(1.199.958.738)</b>
<b>4. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**VII. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh là không đáng kể.

**2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	364.508.682	-	-	364.508.682
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.404.151.077	-	-	13.404.151.077
<b>Cộng</b>	<b>13.768.659.759</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.768.659.759</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Phải trả người bán	997.589.520	-	-	997.589.520
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.035.819	34.950.000.000	-	34.968.035.819
<b>Cộng</b>	<b>1.015.625.339</b>	<b>34.950.000.000</b>	<b>-</b>	<b>35.965.625.339</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính - Xem trang 31.**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và năm 2024. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác nào phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hay thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐQT ngày 31/7/2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh (tỉ lệ chuyển nhượng là 53,79% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh) cho người liên quan, người nội bộ của Công ty.

Ngày 22/8/2025, Công ty mẹ đã hoàn tất thoái vốn toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3. Giao dịch với các bên liên quan**

**Danh sách các bên liên quan trong kỳ**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần ILA E&C

Công ty con

Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo

Công ty con - trước ngày 31/5/2025

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh

Công ty con

Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA

Công ty con

Ông Đặng Xuân Hữu

Tổng Giám đốc

**Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với các bên liên quan như sau:**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Công ty Cổ phần ILA E&C	Ứng tiền thi công văn phòng	-	5.325.000.000
	Bán hàng hóa	1.661.254.590	-
	Thu tiền bán hàng	1.703.708.697	-
	Mượn tiền	1.370.000.000	-
	Trả tiền mượn	1.370.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Bán hàng hóa	3.978.010.500	-
	Thu tiền bán hàng	4.397.603.000	-
	Trả tiền mượn	8.260.000.000	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	Mượn tiền	865.000.000	-
	Trả tiền mượn	14.305.000.000	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		30/6/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần ILA E&C	Tiền bán hàng hóa	94.046.400	121.080.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Tiền bán hàng hóa	92.873.540	-
Cộng		186.919.940	121.080.000
Phải thu khác ngắn hạn		30/6/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần ILA E&C	Tiền phạt và chi hộ	-	554.750.000
Cộng		-	554.750.000
Phải trả khác ngắn hạn		30/6/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Tiền mượn	7.130.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	Tiền mượn	6.120.000.000	-
Cộng		13.250.000.000	-
Phải trả khác dài hạn		30/6/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Tiền mượn	-	15.390.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	Tiền mượn	-	19.560.000.000
Cộng		-	34.950.000.000
+ Thu nhập của Tổng Giám đốc		06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Ông Đặng Xuân Hữu - Tổng Giám đốc		126.370.406	141.330.228

Trong kỳ, Hội đồng quản trị của Công ty không nhận thù lao.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty tiếp tục bị lỗ 233.543.364 VND trong kỳ này và dòng tiền thuần hoạt động kinh doanh kỳ này âm 21.209.822.396 VND. Đồng thời, tại ngày 30/6/2025, khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 13.470.691.178 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đã có những đánh giá thận trọng, đưa ra các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của công ty trong 12 tháng tới như sau:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Thông tin về hoạt động liên tục (tiếp theo)**

- Đối với các khoản nợ đến hạn thanh toán như khoản mượn các bên liên quan; Công ty sẽ xin gia hạn hoặc tìm nguồn tài trợ mới;
- Công ty vẫn triển khai và phát triển kinh doanh tập trung 2 lĩnh vực cốt lõi là xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Trường hợp, các kế hoạch của Công ty trong năm 2025 diễn ra không thuận lợi, không đảm bảo kế hoạch thanh toán nợ thì tùy tình hình thực tế, Công ty sẽ áp dụng một trong các biện pháp khắc phục:

+ *Cổ đông hỗ trợ*: Các cổ đông hiện hữu cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty để thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng hình thức cho vay;

+ *Tăng vốn điều lệ*: Công ty sẽ phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ Công ty.

Tổng Giám Đốc tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn, các kế hoạch được đưa ra là khả thi và Công ty vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

  
.....  
**Nguyễn Văn Phúc****Kế toán trưởng/ Người lập biểu**

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

  
.....  
**Đặng Xuân Hữu****Tổng Giám đốc**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Đầu tư vào Công ty con

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc
Công ty Cổ phần ILA E&C (1)	88.250.000.000	-		88.250.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh (2)	25.000.000.000	-		25.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA (3)	98.000.000.000	(634.575.772)		98.000.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo (4)	-	-		19.000.000.000
Cộng	211.250.000.000	(634.575.772)		230.250.000.000
				(435.215.109)

(1) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/5/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần ILA E&C ("ILA E&C"). ILA E&C được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310259362 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 2010 và được thay đổi lần 8 vào ngày 10 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án. Tỷ lệ phần sở hữu là 98,00%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, ILA E&C hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (2) Căn cứ theo Nghị quyết số 3105/2023/NQ-HĐQT ngày 31/5/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh ("VKI"). VKI được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703078326 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2022 và được thay đổi lần 3 vào ngày 20 tháng 3 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất sản phẩm từ Plastic, kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và sản xuất linh kiện điện tử. Tỷ lệ phần sở hữu là 98,79%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, VKI hoạt động kinh doanh bình thường.
- (3) Căn cứ theo Nghị quyết số 1309/NQ-HĐQT ngày 13/9/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Bê tông Hưng Thịnh Bình Định ("Hưng Thịnh Bình Định"). Hưng Thịnh Bình Định được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101563415 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2020 và lần thay đổi gần đây nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2024 để đổi tên thành Công ty Cổ phần khoáng sản ILA (KS ILA). Hoạt động kinh doanh chính khai thác mỏ và sản xuất các sản phẩm từ mỏ đá. Tỷ lệ phần sở hữu là 98,00% KS ILA. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, KS ILA mới đi vào hoạt động kinh doanh chính nhưng chưa đạt khối lượng khai thác kỳ vọng nên khoản đầu tư vào KS ILA được trích lập dự phòng dựa trên báo cáo tài chính.
- (4) Theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 02 tháng 4 năm 2025, đã thông qua chủ trương thoái vốn toàn bộ tại Phú Bảo. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn toàn bộ tại công ty Phú Bảo. Việc chuyển nhượng này không ghi nhận khoản lãi trong kỳ.
- (\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Nợ xấu

	30/6/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	104.000.000	-		104.000.000	22.200.000	
Công ty TNHH Tú Anh Modern House	74.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	74.000.000	22.200.000	Khoản phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	30.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	30.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII.4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/6/2025		01/01/2025		30/6/2025	01/01/2025
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Phải thu khách hàng	186.919.940	(104.000.000)	317.910.000	(81.800.000)	82.919.940	236.110.000
- Phải thu khác	201.500.000	-	756.250.000	-	201.500.000	756.250.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	39.406.754	-	2.149.229.150	-	39.406.754	2.149.229.150
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>427.826.694</b>	<b>(104.000.000)</b>	<b>3.223.389.150</b>	<b>(81.800.000)</b>	<b>323.826.694</b>	<b>3.141.589.150</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Phải trả người bán	364.508.682	-	997.589.520	-	364.508.682	997.589.520
- Phải trả khác	13.404.151.077	-	34.968.035.819	-	13.404.151.077	34.968.035.819
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.768.659.759</b>	<b>-</b>	<b>35.965.625.339</b>	<b>-</b>	<b>13.768.659.759</b>	<b>35.965.625.339</b>